Chi tiết mã HS 8112.52.00

Mã HS	8112.52.00
Mô tả hàng hóa	Beryli, crôm, hafini, reni, tali, cađimi, germani, vanadi, gali, indi và niobi (columbi), và các sản phẩm từ các kim loại này, kể cả phế liệu và mảnh vụn / - Tali: / - - Phế liệu và mảnh vụn
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	11/11/2026 17:03:33
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/81125200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12470
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12470
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12470
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	22	22%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ12470
Thuế XK ưu đãi CPTPP	9,6; M: 11	9,6% · M: 11%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM12470
Thuế XK ưu đãi EVFTA	12,3	12,3%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP12470
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	12,3	12,3%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS12470

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11823
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11766
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11766
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11766
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11766
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11766
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11766
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E11818
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11818

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11818
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11818
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11818
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11818
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11819
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11819
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11819
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11819
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11819
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11819
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11822
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11772
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11778
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11778
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11778
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11778
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11778
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11778
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11811
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11811
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11811
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11811
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11811
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11811
VCFTA	2022	2022	0	VC!D11856
VCFTA	2023	2023	0	VC!E11856

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11856
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11856
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11856
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11856
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11841
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11841
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11841
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11841
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11841
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11841
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D11841
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E11841
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F11841
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G11841
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H11841
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11841
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D11858
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11858
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11858
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11858
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11858
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11858
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D11857
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11857
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11857
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11857

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11857
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11857
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11804
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11804
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11804
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11804
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11804
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11804
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11804
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11841
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11841
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11841
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11841
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11841
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11841
RCEP B	2022	2022	0	B!D11841
RCEP B	2023	2023	0	B!E11841
RCEP B	2024	2024	0	B!F11841
RCEP B	2025	2025	0	B!G11841
RCEP B	2026	2026	0	B!H11841
RCEP B	2027	2027	0	B!I11841
RCEP C	2022	2022	0	C!D11841
RCEP C	2023	2023	0	C!E11841
RCEP C	2024	2024	0	C!F11841
RCEP C	2025	2025	0	C!G11841
RCEP C	2026	2026	0	C!H11841

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I11841
RCEP D	2022	2022	0	D!D11840
RCEP D	2023	2023	0	D!E11840
RCEP D	2024	2024	0	D!F11840
RCEP D	2025	2025	0	D!G11840
RCEP D	2026	2026	0	D!H11840
RCEP D	2027	2027	0	D!I11840
RCEP E	2022	2022	0	E!D11844
RCEP E	2023	2023	0	E!E11844
RCEP E	2024	2024	0	E!F11844
RCEP E	2025	2025	0	E!G11844
RCEP E	2026	2026	0	E!H11844
RCEP E	2027	2027	0	E!I11844
RCEP F	2022	2022	0	F!D11841
RCEP F	2023	2023	0	F!E11841
RCEP F	2024	2024	0	F!F11841
RCEP F	2025	2025	0	F!G11841
RCEP F	2026	2026	0	F!H11841
RCEP F	2027	2027	0	F!I11841
VIFTA	2024	2024	0	VI!F10951
VIFTA	2025	2025	0	VI!G10951
VIFTA	2026	2026	0	VI!H10951
VIFTA	2027	2027	0	VI!I10951

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8112.52.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8112.52.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12470), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.